TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 277/2020/DS - ST
Ngày: 02/3/2020
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai
Ông Phạm Văn Hễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 71/2017/TLST- DS ngày 16/01/2017 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 827/2020/QĐST- DS ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:
1. Bà Phan Thị Kim P, sinh năm 1952
2. Ông Phan Ngọc H, sinh năm 1956
3. Bà Phan Thị Kim H2, sinh năm 1958
4. Ông Phan Quốc H3, sinh năm 1960
5. Ông Dương Quốc H4, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: đường B, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của các ông bà P, H, H2, H3 và H4: Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1956, địa chỉ thường trú: đường H, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ liên lạc: đường T, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 08/11/2016.

Bị đơn: Bà Phan Thị Kim Q, sinh năm 1953
Địa chỉ: USA.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Phan Thị H5 (Lê Thị H5), sinh năm 1946
Địa chỉ: USA.
2. Trẻ Nguyễn Ngọc Huỳnh N, sinh năm 2011
3. Trẻ Nguyễn Ngọc Hà L, sinh năm 2011

Cùng địa chỉ: đường B, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ N và trẻ L: Bà Trịnh Thị Ngân T, sinh năm 1977, địa chỉ: đường B, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Trịnh Thị Ngân T, sinh năm 1977

Địa chỉ: đường B, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1956, địa chỉ thường trú: đường H, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ liên lạc: đường T, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 24/7/2017.

5. Ông Nguyễn Văn H6, sinh năm 1969

6. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1940

7. Bà Nguyễn Thị Bích T2, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: đường B, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của các ông bà H6, L2 và T2: Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1956, địa chỉ thường trú: đường H, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ liên lạc: đường T, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2016 (Tòa án nhận ngày 09/11/2016), Đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện ngày 08/3/2019 của các nguyên đơn là các ông bà Phan Thị Kim P, Phan Ngọc H, Phan Thị Kim H2, Phan Quốc H3, Dương Quốc H4; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/12/2018 của ông Dương Quốc H4; Đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 18/12/2019 của ông Dương Quốc H4 và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân D trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Ông Dương T3 (sinh năm 1920, chết ngày 16/7/1975) và bà Phan Thị S (sinh năm 1927, chết ngày 21/01/2015) có 07 người con chung là bà Phan Thị Kim P, ông Phan Ngọc H, bà Phan Thị Kim H2, ông Phan Quốc H3, ông Dương Quốc H4, bà Phan Thị Kim Q và ông Phan Ngọc V (sinh năm 1955, chết ngày 02/01/1982, khi chết độc thân không có vợ con, không để lại di chúc).

Cha mẹ của ông T3 và bà S đều chết trước ông T3 và bà S. Cha của ông Dương T3 là ông Dương Phương, chết năm 1949 và mẹ của ông Dương T3 là bà Phạm Thị Hiển, chết năm 1951. Cha của bà Phan Thị S là ông Phan Văn Đ, chết năm 1943 và mẹ của bà S là bà Mai Thị Th, chết năm 1970.

Trước khi kết hôn với ông Dương T3, bà Phan Thị S có chồng là ông Lê Văn Đ2. Bà S và ông Đ2 có con chung là bà Lê Thị H5 (theo trích lục khai sinh của bà H5). Khi khai nhân khẩu, vì không hiểu biết và vì sợ con mặc cảm, bà S khai họ tên của bà H5 theo họ mẹ là Phan (theo tờ khai gia đình 1975). Sau năm 1975, khi đăng ký hộ khẩu thường trú bắt buộc phải đổi họ tên theo giấy khai sinh nên họ của bà H5 đổi lại là họ Lê (theo Giấy chứng nhận hộ khẩu thường trú năm 1976). Tuy nhiên, khi làm thủ tục xuất cảnh, bà H5 đổi họ trở lại là họ Phan theo Giấy chứng nhận số 3477/CNLS – 2012 do Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Washington DC, Hợp Chủng quốc Hoa Kỳ cấp ngày 06/11/2012.

Lúc sinh thời, ông Dương T3 và bà Phan Thị S đã tạo lập được căn nhà và đất tại địa chỉ đường B, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc: 14439/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Dương T3 và bà Phan Thị S ngày 24/07/2001.

Ngày 24/01/2002, bà S kê khai trước bạ di sản thừa kế của ông Dương T3 có khai tên bà Phan Thị H5 theo Tờ trích lục sổ trước bạ do Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh cấp lại cho các nguyên đơn ngày 02/11/2012. Tuy nhiên, sau khi trích lục khai sinh của bà H5 trong sổ bộ khai sinh và theo xác nhận của Công an Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/01/2019 có nội dung là: "Căn cứ hồ sơ hộ khẩu số: 31080004074: Tờ khai gia đình cấp ngày 11/3/1975 cột số 4 tên Phan Thị H5 - sinh năm: 1946, Hộ khẩu NK4 cấp ngày 01/10/1976 cột số 3 tên Lê Thị H5 - sinh năm: 1946" kèm theo bản photo Tờ khai gia đình năm 1975 và Giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú trong hộ năm 1976. Các tài liệu nêu trên thể hiện bà Phan Thị H5 còn có tên Lê Thị H5 và bà H5 là con riêng của bà Phan Thị S với ông Lê Văn Đ2, không phải là con của ông Dương T3 với bà Phan Thị S nên bà H5 không được hưởng thừa kế của ông T3.

Do vậy, các nguyên đơn đã nộp đơn thay đổi yêu cầu xác định khởi kiện đối với bị đơn là bà Phan Thị Kim Q, đồng thời xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T3 là các ông bà Phan Thị S, Phan Thị Kim P, Phan Ngọc H, Phan Thị Kim H2, Phan Quốc H3, Dương Quốc H4, Phan Thị Kim Q và Phan Ngọc V; những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà S là các ông bà Phan Thị Kim P, Phan Ngọc H, Phan Thị Kim H2, Phan Quốc H3, Dương Quốc H4, bà Phan Thị Kim Q và Lê Thị H5 (Phan Thị H5).

Ngày 14/3/2014, bà S lập di chúc tại Phòng Công chứng Đầm Sen, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung sau khi bà S qua đời thì ông Dương Quốc H4 sẽ là người được hưởng di sản của bà S để lại là ½ căn nhà số đường B, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và toàn bộ kỷ phần thừa kế của bà S được hưởng trong căn nhà nêu trên. Ngoài ra, bà S không để lại di sản thừa kế cho bất kỳ người nào khác.

Nay các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của ông T3 theo pháp luật và chia di sản của bà S theo di chúc đối với di sản là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ đường B, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cho các thừa kế, cụ thể:

- Di sản của ông T3 chia theo pháp luật: ½ di sản = 8/16 (08 người thừa kế gồm: Bà S và các con là bà P, bà H2, ông H3, ông H, ông H4, bà Q, ông V mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế tương đương 1/16 phần di sản). Bà S được hưởng thừa kế chuyển tiếp phần thừa kế của ông V.

- Di sản của bà S: ½ di sản= 8/16 + 1/16 (hưởng thừa kế của ông T3) + 1/16 (hưởng phần thừa kế của ông V) = 10/16, di sản của bà S được chia theo di chúc. Ông H4 được hưởng tổng cộng 11/16 phần (gồm 10/16 hưởng thừa kế của bà S và 1/16 là hưởng thừa kế của ông T3).

Các nguyên đơn đồng ý kết quả định giá của Hội đồng định giá, trị giá căn nhà là 2.554.831.396đồng, tương ứng mỗi kỷ phần thừa kế là 159.677.000đồng (1/16 trị giá căn nhà).

Đến nay, ông H4 đã giao đủ cho mỗi nguyên đơn số tiền 159.677.000đồng tương ứng mỗi kỷ phần thừa kế mà mỗi thừa kế được hưởng nên các nguyên đơn không còn thắc mắc, khiếu nại gì. Vì vậy, các nguyên đơn là bà P, ông H, bà H2, ông H3 yêu cầu để ông H4 được đứng tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất và đối với căn nhà đường B, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, các nguyên đơn sẽ cùng thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, sang tên cho ông H4 được đứng tên sở hữu căn nhà. Trường hợp, các đương sự không cùng thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi để ông H4 đứng tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà, ông H4 được liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục đứng tên sở hữu căn nhà nêu trên theo quy định pháp luật.

Riêng kỷ phần thừa kế của bà Q, các nguyên đơn đồng ý giao cho ông H4 quản lý và ông H4 có trách nhiệm giao lại cho bà Q theo yêu cầu của bà Q sau này theo quy định pháp luật.

Các nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí ủy thác tư pháp và chi phí định giá tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện các nguyên đơn không mua bán căn nhà với bất kỳ ai, các ông bà Trịnh Thị Ngân T, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị Bích Thủy, trẻ Nguyễn Ngọc Huỳnh N và trẻ Nguyễn Ngọc Hà L (đều chưa thành niên, có người đại diện theo pháp luật là bà Trịnh Thị Ngân T) đang cư trú tại nhà để trông coi và giữ gìn căn nhà. Các đương sự không có quyền lợi gì đối với căn nhà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn để ông H4 đứng đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/12/2018 và tạm nộp án phí để xin hủy tờ trích sao sổ trước bạ nhà đất đối với phần ghi tên bà Phan Thị H5. Nay các nguyên đơn cam kết xác định bà Phan Thị H5 và bà Lê Thị H5 là một người và là con của ông Lê Văn Đ2 nên bà H5 không được hưởng thừa kế của ông T3. Việc yêu cầu bổ sung nêu trên không còn cần thiết nên các nguyên đơn xin rút yêu cầu hủy tờ trích sao sổ trước bạ nhà đất đối với phần ghi tên bà Phan Thị H5 theo đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung do ông H4 đứng đơn và nộp tạm ứng án phí.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Xuân D xác định số tiền tạm ứng án phí 14.000.000đồng là do ông nộp thay cho ông Dương Quốc H4 (biên lai ghi nhầm tên là Dương Quốc Hùng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị Ngân T, ông Nguyễn Văn H6, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị Bích Thủy có ông Nguyễn Xuân D là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Các đương sự nêu trên đang ở nhờ trong căn nhà và không có yêu cầu tranh chấp gì đối với di sản thừa kế đối với căn nhà số đường B, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nêu trên. Các đương sự không có yêu cầu gì trong vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Ngày 22/11/2017, Bộ Tư pháp có Văn bản số 3552/BTP-PLQT gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Bộ Tư pháp nhận được Văn bản số 19496451 ngày 11/10/2017 của Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo đề nghị của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với đương sự Phan Thị Kim Q. Theo đó ông T Nguyen, người chồng, đồng cư trú, nhận giấy tờ được tống đạt.

Ngày 05/4/2018, Bộ Tư pháp có Văn bản số 1124/BTP-PLQT gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Bộ Tư pháp nhận được Văn bản số 0018620350 của Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo đề nghị của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Không thực hiện được ủy thác tư pháp đối với đương sự Phan Thị H5.

Căn cứ khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự ở nước ngoài nêu trên là đúng quy định.

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 07/11/2016, các nguyên đơn cho rằng bà Phan Thị H5 là bị đơn trong vụ án vì là người thừa kế theo pháp luật của ông Dương T3. Đến ngày 08/3/2019, các nguyên đơn có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện với nội dung xác định bà Phan Thị H5 không phải là con của ông Dương T3, không được hưởng di sản của ông T3 nên bà H5 chỉ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, đương sự có bổ sung yêu cầu khởi kiện hủy bỏ Tờ trích sao sổ trước bạ nhà đất số 1839/CT-HCLT ngày 02/11/2012 do Cục thuế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp vì trên Trích sao có ghi tên bà Phan Thị H5 là người thừa kế của ông Dương T3 và ông H4 đã nộp tạm ứng án phí cho yêu cầu bổ sung này. Tuy nhiên, đến ngày 18/12/2019, các nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện bổ sung như trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định:

+ Bà Phan Thị H5 thực sự tên Lê Thị H5, là con riêng của bà Phan Thị S (mẹ của các nguyên đơn) và ông Lê Văn Đ2. Do đó không phải là người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Dương T3 (cha của các nguyên đơn).

+ Ông Dương T3 và bà Phan Thị S chỉ có 07 người con gồm: Bà P, bà H2, ông H3, ông H, ông H4, ông V (đã chết) và bà Q.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xác định bà Phan Thị H5 không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Dương T3 và xác định tư cách tham gia tố tụng của bà H5 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án chứ không phải là bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện bổ sung mà các nguyên đơn đã rút.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Chia di sản thừa kế theo pháp luật và theo di chúc theo yêu cầu nêu trên của nguyên đơn. Kỷ phần thừa kế mà bà Q được hưởng (1/16 = 159.677.000đồng) giao cho ông H4 quản lý theo Án lệ số 06/2016/AL.

2. Chấp nhận cho ông Dương Quốc H4 được đăng ký đứng tên chủ quyền nhà, đất tại số 27 đường 762 Hồng Bàng Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo Văn bản số 3552/BTP – PLQT ngày 22/11/2017 của Bộ tư pháp về kết quả ủy thác tư pháp và Giấy chứng thực của Văn Phòng Tương trợ Tư pháp Quốc tế ABC Legal Services thể hiện bị đơn là bà Phan Thị Kim Q cư trú tại Hoa Kỳ nên vụ án được thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tại Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tống đạt văn bản tố tụng cho Phan Thị Kim Q, bà Phan Thị H5 (Lê Thị H5) nhưng chỉ nhận được kết quả tống đạt văn bản tố tụng cho bà Q, không nhận được lời khai, tài liệu chứng cứ của đương sự ở nước ngoài và các đương sự đều vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 4 Điều 474; Điều 476; điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hàng thừa kế:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Giấy chứng tử của ông T3, bà S, ông V; Trích lục Giấy khai sinh của các nguyên đơn, bị đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H5; Đơn xác nhận ngày 21/01/2019 của ông Nguyễn Xuân D được Công an Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ngày 22/01/2019 (kèm bản photo Tờ khai gia đình năm 1975, Giấy chứng nhận đăng ký hộ khẩu thường trú năm 1976)… có cơ sở xác định:

Các thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Dương T3 gồm: Bà Phan Thị S, bà Phan Thị Kim P, ông Phan Ngọc H, bà Phan Thị Kim H2, ông Phan Quốc H3, ông Dương Quốc H4, bà Phan Thị Kim Q và ông Phan Ngọc V (bà Phan Thị S thừa kế chuyển tiếp phần thừa kế của ông V).

Các thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phan Thị S gồm: bà Phan Thị Kim P, ông Phan Ngọc H, bà Phan Thị Kim H2, ông Phan Quốc H3, ông Dương Quốc H4, bà Phan Thị Kim Q, bà Phan Thị H5 (Lê Thị H5).

Về di sản thừa kế:

Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm: Bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 14439/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Dương T3

và bà Phan Thị S ngày 24/7/2001; Văn bản số 13311/UBND – TNMT ngày 25/8/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin liên quan đến nhà đất đối với căn nhà nêu trên… có cơ sở xác định:

Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số đường B, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu và sử dụng của ông Dương T3 và bà Phan Thị S.

Ngày 14/3/2014, bà S lập di chúc tại Phòng Công chứng Đầm Sen, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung sau khi bà S qua đời thì ông Dương Quốc H4 sẽ là người được hưởng di sản của bà S để lại là ½ căn nhà số đường B, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và toàn bộ kỷ phần thừa kế của bà S được hưởng trong căn nhà nêu trên. Ngoài ra, bà S không để lại di sản thừa kế cho bất kỳ người nào khác.

Xét thấy, di chúc do bà S lập nêu trên được chứng thực hợp pháp, phù hợp quy định tại Điều 631 và Điều 657 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực. Ông T3 chết không để lại di chúc. Do đó, di sản của ông T3 được chia theo pháp luật và di sản của bà S được chia theo di chúc.

Xét thấy, các nguyên đơn yêu cầu chia di sản của ông T3 và bà S theo pháp luật và theo di chúc, cụ thể:

Di sản của ông T3 được chia theo pháp luật: ½ di sản = 8/16 trong đó 08 người thừa kế gồm: Bà S và các con là bà P, bà H2, ông H3, ông H, ông H4, bà Q, ông V (bà S được hưởng thừa kế chuyển tiếp phần thừa kế của ông V), mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế tương đương 1/16 phần.

Di sản của bà S: ½ di sản (8/16) + 1/16 (hưởng thừa kế của ông T3) + 1/16 (hưởng phần thừa kế của ông V) = 10/16.

Di sản của bà S được chia theo di chúc:

Ông H4 được hưởng tổng cộng 11/16 phần (gồm 10/16 hưởng thừa kế của bà S + 1/16 là hưởng thừa kế của ông T3).

Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá ngày 28/9/2019 thì tổng trị giá quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất của căn nhà nêu trên là 2.554.831396đồng, mỗi kỷ phần thừa kế (1/16) tương đương 159.677.000đồng.

Xét thấy, ý kiến của các nguyên đơn là bà P, ông H, bà H2, ông H3 thừa nhận đã nhận từ ông H4 đủ số tiền 159.677.000đồng tương ứng kỷ phần thừa kế mà các đương sự sẽ được chia nên yêu cầu để ông H4 được đứng tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà số đường B, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và các nguyên đơn sẽ cùng thực hiện thủ tục để ông H4 đứng tên căn nhà. Trường hợp các đương sự không cùng thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, sang tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở căn nhà cho ông H4 thì ông H4 được liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục đứng tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà nêu trên theo quy định pháp luật. Đồng thời các nguyên đơn đồng ý giao cho ông H4 tạm quản lý kỷ phần thừa kế của bà Q là tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 609; Điều 624; Điều 635; Điều

649; Điều 669; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Án lệ số 06/2016 ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu chia thừa kế và ghi nhận đối với phần tự nguyện của các đương sự nêu trên.

Các nguyên tự nguyện chịu chi phí ủy thác, định giá tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn (trong đó có ông Dương Quốc H4) lập ngày 18/12/2019 về việc hủy bỏ tờ trích sao trước bạ nhà đất là hợp lệ nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại Điều 217; Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Đối với yêu cầu tranh chấp thừa kế: Mỗi đương sự chịu án dân sự sơ thẩm tương ứng với phần di sản mà mỗi người được hưởng. Tuy nhiên, xét Đơn xin miễn án phí của các nguyên đơn ngày 27/3/2019 thì nguyên đơn là bà P, bà H2, ông H3, ông Hiền đã từ 60 tuổi trở lên, thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên các đương sự được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho các đương sự. Đối với Đơn xin xác nhận của các nguyên đơn, trong đó có ông H4 lập ngày 25/3/2019 được Công an Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận là gia đình nghèo, có hoàn cảnh khó khăn (không có tài liệu chứng minh hộ nghèo, hộ cận nghèo) không thuộc trường hợp được miễn án phí nên ông H4 và bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với phần yêu cầu hủy bỏ tờ trích sao trước bạ: Do các đương sự có ý kiến rút yêu cầu, trong đó ông H4 là người nộp tiền tạm ứng án phí nên hoàn trả cho ông H4 300.000đồng tiền tạm ứng án phí mà ông H4 đã nộp theo quy định Điều 147; Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 147; Điều 217 và Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 646; Điều 657 và Điều 667 Bộ Luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 609; Điều 624; Điều 635; Điều 649; Điều 669 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 12, Điều 27 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Xác định quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số đường B, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông Dương T3 và bà Phan Thị S để lại.

2. Về hàng thừa kế:

Xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Dương T3 gồm: Bà Phan Thị S, bà Phan Thị Kim P, ông Phan Ngọc H, bà Phan Thị Kim H2, ông Phan Quốc H3, ông Dương Quốc H4, bà Phan Thị Kim Q và ông Phan Ngọc V (bà S thừa kế chuyển tiếp phần thừa kế của ông V).

Xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phan Thị S gồm: Bà Phan Thị Kim P, ông Phan Ngọc H, bà Phan Thị Kim H2, ông Phan Quốc H3, ông Dương Quốc H4, bà Phan Thị Kim Q, bà Phan Thị H5 (Lê Thị H5).

3. Thừa kế theo pháp luật:

Bà Phan Thị Kim P, ông Phan Ngọc H, bà Phan Thị Kim H2, ông Phan Quốc H3, ông Dương Quốc H4, bà Phan Thị Kim Q mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế di sản của ông T3 tương đương 1/16 (tương đương 159.677.000đồng) trị giá quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số đường B, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thừa kế theo di chúc:

Ông Dương Quốc H4 được hưởng toàn bộ di sản của bà S theo di chúc là 10/16 trị giá di sản nêu trên (gồm 8/16 di sản của bà S để lại, 1/16 di sản bà S hưởng thừa kế chuyển tiếp của ông V và 1/16 di sản bà S hưởng thừa kế của ông T3).

Ông H4 được hưởng tổng cộng 11/16 trị giá di sản nêu trên (tương đương 1.756.447.000đồng).

5. Tạm giao cho ông Dương Quốc H4 quản lý kỷ phần thừa kế của bà Phan Thị Kim Q trị giá 159.677.000đồng để sau này bà Q có quyền được hưởng theo pháp luật. Ông H4 có trách nhiệm giao lại cho bà Q khi bà Q yêu cầu hoặc theo quy định pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn là bà Phan Thị Kim P, ông Phan Ngọc H, bà Phan Thị Kim H2, ông Phan Quốc H3 tự nguyện để ông H4 nhận kỷ phần thừa kế mà các đương sự được hưởng (do ông H4 đã giao đủ) và các nguyên đơn sẽ cùng thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, sang tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông H4 đứng tên đối với di sản là căn nhà số đường B, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu các đương sự không cùng thực

hiện thủ tục đăng ký thay đổi cho ông H4 đứng tên, thì ông H4 được liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục sang tên và đứng tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất đối với di sản là căn nhà nêu trên theo quy định pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện các nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với chi phí tố tụng về ủy thác tư pháp, định giá tài sản đã nộp.

Các nguyên đơn tự nguyện chịu 200.000đồng Lệ phí ủy thác tư pháp đã nộp theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0004947 ngày 25/5/2017 và 200.000đồng theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0004948 ngày 25/5/2017 (người nộp là ông Nguyễn Xuân D) tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất chậm trả theo Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ phần nguyên đơn là ông Dương Quốc H4 yêu cầu hủy bỏ Tờ trích sao sổ trước bạ nhà đất.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị Kim P, ông Phan Ngọc H, bà Phan Thị Kim H2, ông Phan Quốc H3 được miễn nộp án phí.

Hoàn trả cho bà Phan Thị Kim P, ông Phan Ngọc H, bà Phan Thị Kim H2, ông Phan Quốc H3 mỗi đương sự 1.250.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0031855 ngày 09/01/2017, số 0031854 ngày 09/01/2017, số 0031856 ngày 09/01/2017 và số 0031853 ngày 09/01/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Dương Quốc H4 phải chịu án phí sơ thẩm là 64.693.410đồng, được trừ vào số tiền 14.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0031852 ngày 09/01/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Biên lai ghi tên Dương Quốc Hùng do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Xuân D nộp thay), ông H4 còn phải nộp 50.693.410đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Dương Quốc H4 số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên thu số 0045951 ngày 03/01/2019 của Cục Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Phan Thị Kim Q phải chịu án phí sơ thẩm là 7.983.850đồng.

Các ông bà Phan Thị Kim P, Phan Ngọc H, Phan Thị Kim H2, Phan Quốc H3, Dương Quốc H4, Trịnh Thị Ngân T, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị Bích Thủy được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Phan Thị H5 (Lê Thị H5), bà Phan Thị Kim Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phong